TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST - HNGĐ	*K, ngày 11 tháng 01 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1983;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982;

Đều trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại D theo ủy quyền: Ông Lê Việt Hà – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 37 và Điều 60 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, đều trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị D có ba con chung là Bùi Văn Thắng, sinh ngày 11/9/2005, Bùi Thị Ngọc Thơm, sinh ngày 25/11/2007 và Bùi Trà My, sinh ngày 06/3/2015. Anh Th và chị D thỏa thuận chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả ba con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 *(một triệu)* đồng/ 01 con/ tháng (03 con là 3.000.000 đồng/ tháng) kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn Th được quyền thăm nom con chung mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị D thỏa thuận:

+ Anh Bùi Văn Th được quyền quản lý, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4 tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình D tích 39,52m^2 (rộng 5,2m x dài 7,6m); sân giáp sườn phía trái nhà D tích 19,76m^2 (chiều dài 7,6m; chiều rộng 2,6m; sân sườn nhà giáp đường nội thôn V); sân trước nhà D tích 39m^2 (chiều rộng là 7,8m, chiều dài sân 5m). Nhà và sân trước mặt nhà hướng Đông Nam giáp đường liên thôn V, sườn nhà và sân phía trái nhà hướng Đông Bắc giáp đường nội thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình, phía sau nhà hướng Tây Bắc giáp hộ gia đình bà Bùi Thị Ậm, sinh năm 1954, cùng trú tại xóm V xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình, phía bên phải nhà hướng Tây Nam giáp nhà cấp 4 chị Nguyễn Thị D thực tế đang quản lý sử dụng. Toàn bộ sân nhà anh Th quản lý, sử dụng lợp mái tôn. Ngôi nhà xây dựng năm 2020. Tài sản trên đất 01 (một) cây gỗ Lát đường kính thân cây 98cm. Giá trị nhà và cây trồng vợ chồng thỏa thuận là 80.000.0000 *(tám mươi triệu)* đồng.

+ Chị Nguyễn Thị D được quyền quản lý, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4 tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình D tích 45,44m^2 (chiều dài 7,1m; rộng 6,4m), sân trước nhà D tích 38,34m2 (chiều ngang 7,1m; chiều dài 5,4m) trong đó: D tích sân có mái che (mái proximăng) là 17,82m (mái che ngang 3,3m; dài 5,4m). Mặt trước và sân trước nhà hướng Đông Nam giáp đường liên thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Phía sau nhà hướng Tây Bắc giáp hộ gia đình bà Bùi Thị Ậm, sinh năm 1954, cùng trú tại thôn V xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình nhà mái lợp tôn tại xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Bên phải nhà hướng Tây Nam giáp đất hộ gia đình ông Bùi Văn Ch, sinh năm 1961 cùng trú tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình; phía trái nhà hướng Đông Bắc giáp nhà cấp 4 do anh Bùi Văn Th thực tế quản lý, sử dụng. Ngôi nhà được xây dựng năm 2016. Tài sản trên đất có 01 (một) cây xoài đường kính thân cây 75cm. Nhà và cây vợ chồng thỏa thuận có giá trị 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng.

Cả 02 *(hai)* ngôi nhà cấp 4 nêu trên đều được xây dựng nằm trong diện tích đất được quy hoạch khu vực đất ở nông thôn xã Đ – K – Hòa Bình, thuộc tờ bản đồ

số 33, thửa đất số 29, D tích 300,9m^2, được đo đạc, lập bản đồ địa chính chính quy năm 2017. Nguồn gốc đất do bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn Ch (bố mẹ đẻ anh Bùi Văn Th) khai hoang cho hai vợ chồng để ở từ năm 2012. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với chính quyền địa phương theo quy định của Luật đất đai. Nhưng nhà xây dựng được địa phương đồng ý cho sử dụng để ở do nằm trong quy hoạch khu dân cư.

Anh Bùi Văn Th đồng ý có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch chia tài sản chung là 30.000.000 *(ba mươi triệu)* đồng cho chị Nguyễn Thị D vào ngày 29/9/2023. Anh Th chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

- ***Về công nợ chung:*** Vợ chồng có nợ chung đối với Ngân hàng chính sách xã hội thông qua phòng giao dịch huyện K số tiền 50.000.000VND *(năm mươi triệu đồng)*. Anh Th, chị D và đại D theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách và xã hội thỏa thuận: Anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính và sách xã hội thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền 50.000.000VND *(năm mươi triệu đồng)* theo sổ vay vốn mã khách hàng số1700105019, mã món vay 6600000718220946, ngày vay 19/6/2020; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/6/2030 và lãi phát sinh theo sổ vay vốn với Ngân hàng chính sách xã hội thông qua phòng giao dịch huyện K.

- *Về án phí:* Anh Bùi Văn Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, án phí chia tài sản chung (bao gồm toàn bộ nghĩa vụ án phí của chị Nguyễn Thị D) là 2.500.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp là 300.000VND *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005259, ngày 29/11/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đối trừ anh Th đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng; anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ tiếp tục nộp toàn bộ án phí chia tài sản chung bao gồm cả phần nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị D như anh đã thỏa thuận là 2.500.000VND *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ - nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang.